

Số: / KH-TTYT- KHNV-ĐD&DS

Bảo Lâm, ngày tháng 02 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về hoạt động dân số và phát triển huyện Bảo Lâm năm 2023

Thực hiện Chương trình hành động số 08/KH - CCDS ngày 31/01/2023 của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Lâm Đồng Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ - CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về hoạt động dân số và phát triển tỉnh Lâm Đồng năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1620/QĐ-SYT ngày 27/12/2022 của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp y tế năm 2023;

Thực hiện kế hoạch số 261/KH - TTYT ngày 15/08/2022 Kế hoạch phát triển sự nghiệp bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân huyện Bảo Lâm năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ - CCDS ngày 05/01/2023 của Chi cục Dân số - KHHGD về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Dân số - KHHGD năm 2023;

Trung tâm Y tế Bảo Lâm xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01 của Chính phủ về hoạt động dân số và phát triển huyện Bảo Lâm năm 2023 như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu được giao của kế hoạch năm 2023

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
	Dân số trung bình	Người	121.500	121.246	121.800
1	Dân số và phát triển				
1.1	Duy trì mức sinh thay thế, tỷ số giới tính khi sinh				
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,0	9,8	1,0
	Bình quân số con sinh đẻ ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (đạt duy trì mức sinh thay thế)		2,0	1,93	2,1
	Tỷ số giới tính khi sinh (trẻ sơ		< 105,0	101,0	<105,0

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
	sinh trai / 100 trẻ sơ sinh gái)				
	Tỷ lệ dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc	%	85,0	100,0	>90
	Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại	%	74,0	73,0	75,0
1.2	Nâng cao chất lượng dân số				
	Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	70,0	100	90
	Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	60,0	60	80
	Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn tầm soát và quản lý tầm soát sơ sinh	%	50	50	50
	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến	%	50,0	40	60,0
	Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn và quản lý thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền	%	70,0	70,0	90
	Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tầm soát phát hiện thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền	%	70,0	0	80,0
	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất	%	45,0	52,0	>50,0
2	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi				
	Tỷ lệ Trạm Y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	%	100,0	100,0	100,0
	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm	%	50,0	60	>60,0
	Tỷ lệ người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe	%	60,0	60,0	>60,0

3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp

- Tổ chức phổ biến, học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW đến các ngành, địa phương, tổ chức Đảng các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức và tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.

- Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương. Phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và của cả cộng đồng trong công tác dân số. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp; đặc biệt là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khoẻ và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi công chức, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nội dung nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết, Chương trình hành động, các chế độ, chính sách về dân số.

3.2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyển mạnh sang chính sách dân số và phát triển.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

- Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khoẻ, tầm vóc, thể lực người Việt Nam. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Đổi mới toàn diện và đa dạng hóa các hình thức, phương pháp truyền thông để có sự thống nhất, đồng thuận và đạt hiệu quả cao. Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương; tập trung khai thác, phát triển những tiện ích, lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả truyền thông chuyển đổi hành vi thông qua đội ngũ báo cáo viên, truyền thông viên của các ban, ngành, đoàn thể và các cộng tác viên dân số ở thôn, xóm, bản, làng. Tăng cường hình thức truyền thông gắn với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giải trí và thể dục, thể thao.

- Lựa chọn và triển khai nội dung, hình thức truyền thông phù hợp với thực trạng mức sinh của từng vùng miền, công tác truyền thông phải đảm bảo sự nhạy bén, linh hoạt để góp phần duy trì lâu dài mức sinh thay thế.

- Vận động, thuyết phục và phát huy vai trò của chức sắc tôn giáo, các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia truyền thông, ủng hộ các hành vi có lợi về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung truyền thông vào các hoạt động sinh hoạt của cộng đồng, văn hóa dân gian; đưa các tiêu chí về dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn thôn, ấp, bản, làng văn hóa, gia đình văn hóa.

- Đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, chương trình, tài liệu, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường theo hướng khoa học, hiện đại.

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện xã hội hóa, huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, tích cực tham gia vào công tác truyền thông giáo dục về dân số và phát triển.

3.3. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ

- Mở rộng, tăng cường mạng lưới cung cấp dịch vụ trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tế từng địa phương và nhu cầu của nhóm đối tượng, ưu tiên địa bàn nông thôn, kiện toàn phát triển mạng lưới chăm sóc trẻ sơ sinh; củng cố, bổ sung hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số cho các tuyến; tổ chức cung cấp dịch vụ theo phân cấp, phân tuyến kỹ thuật, các cơ sở cung cấp dịch vụ kể cả y tế tư nhân; ưu tiên xây dựng hỗ trợ hệ thống chuyển tuyến phù hợp. Đẩy mạnh tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân.

- Đầu tư cho các dịch vụ sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh nhằm tạo bước đột phá trong các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng dân số; phát triển chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế; khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

- Khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia cung cấp các dịch vụ về dân số có chất lượng; lồng ghép chính sách dân số vào các mô hình đề án, dự án trong phát triển kinh tế - xã hội; giảm dần mức độ bao cấp của ngân sách Nhà nước cho dịch vụ dân số, ưu tiên tập trung cho các vùng khó khăn, vùng có

mức sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3 còn cao; tăng cường trách nhiệm với người đứng đầu các đơn vị, địa phương để xảy ra tình trạng không đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên không giảm hoặc tăng cao.

- Triển khai đề án xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình tại khu vực thành thị và nông thôn phù hợp với từng địa phương; cung ứng hàng hóa, phương tiện cho các cơ sở dịch vụ tư nhân, dịch vụ tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mật cân bằng giới tính khi sinh. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

3.4. Đảm bảo nguồn lực cho công tác dân số

- Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, giáo dục, đào tạo, văn hoá, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số. Vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về dân số và phát triển. Huy động sự đóng góp của tư nhân, doanh nghiệp, cộng đồng và người sử dụng dịch vụ.

3.5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

- Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số hiện nay theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp. Xây dựng Đề án về mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong chỉ đạo, điều phối hoạt động của các cấp, các ngành, các cơ quan có liên quan đến dân số và phát triển.

- Rà soát, ban hành chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với đội ngũ công tác viên ở thôn, xóm, ấp, bản, làng, tổ dân phố, khu dân cư...

- Tiếp tục chuẩn hoá đội ngũ cán bộ dân số đáp ứng yêu cầu chuyên hướng sang chính sách dân số. Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực làm công tác dân số trong tình hình mới.

- Củng cố cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp công nghệ thông tin điện tử, tích hợp các hệ thống phần mềm ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng, khai thác thông tin về dân số và phát triển. Ưu tiên phát triển cung cấp dịch vụ dân số qua mạng tạo thuận lợi cho người dân.

3.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số; triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý từ tuyến tỉnh đến trạm y tế.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Trung tâm Y tế

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động cụ thể về công tác dân số và phát triển theo định hướng của Nghị quyết, hướng dẫn các đơn vị xã, TT xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có hiệu quả.

- Tham mưu cho Phòng Y tế, Ủy ban nhân dân xây dựng kế hoạch hàng năm, từng giai đoạn triển khai thực hiện các hoạt động về Y tế - dân số và phát triển trên địa bàn huyện.

- Chủ động phối hợp với các Ban, ngành đoàn thể có liên quan để tổ chức thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát triển, góp phần đạt và vượt các chỉ tiêu của Nghị quyết đề ra.

- Tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho các đối tượng tham gia thực hiện các hoạt động của kế hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách. Tham gia kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo, thực hiện các hoạt động Dân số và phát triển theo ngành dọc.

4.2. Ban chỉ đạo công tác DS - KHHGD các xã, TT

- Chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể và các trường thôn, tổ dân phố trực thuộc phối hợp cùng ngành Y tế huyện thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt tại địa phương.

- Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động kế hoạch thực hiện Nghị quyết tại địa phương.

4.3. Trạm Y tế các xã, TT

- Xây dựng kế hoạch tham mưu cho Ban chỉ đạo công tác DS-KHHGD các xã, TT tổ chức thực hiện tốt nội dung kế hoạch của Trung tâm Y tế huyện.

Định kỳ báo cáo (6 tháng, hàng năm) tình hình thực hiện về Trung tâm Y tế trước 05/5 và 02/12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Sở Y tế, Chi cục Dân số - KHHGD theo quy định.

Trên đây là Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01 của Chính phủ về hoạt động dân số và phát triển của Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Lâm Đồng (báo cáo);
- Chi cục DS - KHHGD (báo cáo);
- Ban GD (báo cáo);
- Ban CDCTDS - KHHGD các xã, TT;
- TTYT các xã, TT;
- Lưu: VT, P.KHNV - ĐD&DS, PTLX.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Phú Lương

